TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **755**/2023/QĐST–HNGĐ
Ngày: 19-5-2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Hoàng Thị Bích Duyên.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 557/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp số 1964/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm:

1. Ông Le N P (Lê Phước N), sinh năm: 1974; quốc tịch: Hoa Kỳ; địa chỉ: 411 X # 240 Y Ca 95111, USA. (vắng mặt)

2. Bà Phạm Ngọc P1, sinh năm 1976; địa chỉ: 439/8 đường A, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đã được chứng nhận Hợp pháp hóa Lãnh sự tại Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại New York, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ ngày 21 tháng 4 năm 2022, ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/4/2016, giấy chứng nhận kết hôn số 58.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn nên ông Le N P (Lê Phước N) và bà P1 không sống chung vợ chồng với nhau. Trong thời gian đầu giữa ông Le N P (Lê Phước N) và bà P1 cố gắng để giải quyết mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả và không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, hiện tại ông Le N P (Lê Phước N) sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được,

ông Le N P (Lê Phước N) và bà P1 cùng yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 có đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị: Từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên họp, Thẩm phán đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 về việc thuận tình ly hôn; Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, ý kiến của Kiểm sát viên, nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đây là yêu cầu của đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; ông Le N P (Lê Phước N) hiện đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ (USA) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét sự vắng mặt tại phiên họp của người yêu cầu ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1:

Ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Xét thấy trong hồ sơ ông Le N P (Lê Phước N) và bà P1 đã cung cấp lời khai, yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu ông Le N P (Lê Phước N) và bà P1 có mặt tại Tòa án thì Tòa án tiến hành lập biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn giữa hai đương sự theo quy định tại Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên hai đương sự đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; do đó, căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành mở phiên họp xét yêu cầu của ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1.

[3] Xét nội dung vụ việc và yêu cầu của ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 kết hôn năm 2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 15/4/2016 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn

nhân giữa ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 xác định sau khi kết hôn, do phát sinh mâu thuẫn nên ông Le N P (Lê Phước N) và bà P1 không sống chung vợ chồng. Trong thời gian ông Le N P (Lê Phước N) lưu trú tại Việt Nam giữa bà P1 và ông Le N P (Lê Phước N) đã nhiều lần giải quyết những mâu thuẫn nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, sau đó ông Le N P (Lê Phước N) trở về Mỹ (USA) sinh sống và làm việc. Xét thấy, tại thời điểm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 tự nguyện thỏa thuận chấm dứt cuộc sống hôn nhân, khả năng đoàn tụ không có; sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; không có tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu này của các đương sự vì mục đích nào khác. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 theo quy định tại Điều 19 và Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên họp; như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Về lệ phí: Ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 372, Điều 396, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 15/4/2016 do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án, Quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Le N P (Lê Phước N) và bà Phạm Ngọc P1 phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001289 ngày 01/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND.TPHCM;
- Cục THADS.TPHCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.(Linh/15b)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Thị Bích Duyên

HNST2021TATP-1308
1 000106 026217
09.03.2023 11:11
Le Ngoc P